TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 305**/2025/DS-PT
Ngày: 23-7-2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thuỷ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 – tỉnh Đồng Nai) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 256/2025/QĐ-PT ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Số F, tổ B, khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên lạc: Số C, đường N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1940 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số F, tổ B, khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai) (Văn bản uỷ quyền ngày 10/02/2025)

***2. Bị đơn*:** Bà Ngô Thị T, sinh năm 1970 *(có mặt)*.

Địa chỉ: Số nhà E, tổ B, khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:** Bà Đặng Thị N, sinh năm 1940 *(vắng mặt)*.

Địa chỉ: Số F, tổ B, khu I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Ngô Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/02/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ H cho bà Ngô Thị T vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng, có làm giấy vay tiền đề ngày 25/02/2023, bà T có ký và ghi rõ họ tên. Bà H đưa số tiền 200.000.000 đồng cho bà Đặng Thị N (là mẹ ruột bà H) để giao cho bà T. Hết thời hạn vay, bà T không trả được tiền gốc nên đã tiếp tục trả tiền lãi cho bà H. Cụ thể mỗi tháng bà T trả tiền lãi cho bà H là 6.000.000 đồng. Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 03/01/2024, bà T đã trả cho bà H được số tiền lãi 60.000.000 đồng. Bà H có nhờ bà Đặng Thị N đứng ra thu tiền lãi của bà T, bà T đã thanh toán tiền lãi là 60.000.000 đồng cho bà N. Bà H cho bà N số tiền lãi 60.000.000 đồng để chi tiêu.

Ngày 04/01/2024, bà T tiếp tục vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 04/01/2024 đến 04/7/2024), lãi suất là 3%/tháng, mỗi tháng bà T phải trả tiền lãi cho bà H là 3.000.000 đồng. Các bên có làm giấy vay tiền đề ngày 04/01/2024, sau đó bà H có chuyển khoản cho bà T số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng cộng, bà T vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng (bà H có gộp khoản vay 200.000.000 đồng ngày 25/02/2023 + 100.000.000 đồng khoản vay ngày 04/01/2024), tiền lãi là 3%/tháng. Mỗi tháng bà T phải đóng tiền lãi cho bà H là 9.000.000 đồng. Bà T bắt đầu đóng lãi 9.000.000 đồng/tháng từ ngày 04/01/2024, do bà T không có tiền đóng hết 9.000.000 đồng/tháng nên đề nghị đóng theo ngày (mỗi ngày là 300.000 đồng). Kể từ ngày 04/01/2024 đến ngày 20/11/2024 bà T đóng tiền lãi cho bà H tổng cộng là 63.400.000 đồng do bà N đứng ra thu tiền lãi hộ bà H. Sau đó bà H cho bà N số tiền lãi này để chi tiêu sinh hoạt. Từ ngày 21/11/2024 đến nay bà T không trả tiền lãi cho bà H.

Bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2025) với lãi suất là 20%/năm (1,66%/tháng).

Bị đơn trình bày:

Tháng 11/2019, bà có vay của bà Đặng Thị N (tên thường gọi là Bảy H1) là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 200.000.000 đồng. Bà N cho bà vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất hàng tháng 8.000.000 đồng/tháng (tức là 4%/tháng). Các bên có làm giấy tờ vay tiền nhưng cứ 06 tháng bà N làm giấy tờ một lần, giấy tờ cho vay tiền thì bà N giữ, bà không được giữ.

Bà đóng lãi cho bà N số tiền lãi từ tháng 11/2019 đến hết tháng 12/2023, mỗi tháng 8.000.000 đồng và bà đưa tiền mặt cho bà N nhưng các bên không làm giấy tờ gì hết nên không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Sau đó, bà N nói với bà đối với số tiền 200.000.000 đồng, bà N làm giấy tờ để cho bà Nguyễn Thị Mỹ H (con bà N) đứng tên người cho vay do bà Năm T1 cao. Bà đồng ý viết giấy vay tiền do bà H đứng tên người cho vay tiền.

Theo "Giấy mượn tiền" ngày 25/02/2023 do bà Nguyễn Thị Mỹ H cung cấp cho Tòa án, bà thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền là do bà ký và viết ra. Theo giấy này thể hiện lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng nhưng thực tế bà đóng lãi cho bà N là 4%/tháng, bà không có chứng cứ chứng minh số tiền lãi đã đóng.

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng, bà phải trả tiền lãi 8.000.000 đồng/tháng, đã trả được 10 tháng tiền lãi. Tổng cộng, bà đã trả tiền lãi là 80.000.000 đồng (8.000.000 đồng x 10 tháng = 80.000.000 đồng) cho bà N nhưng bà không có chứng cứ chứng minh để cung cấp Tòa án.

Ngày 04/01/2024, bà tiếp tục vay thêm của bà N số tiền 100.000.000 đồng nhưng vẫn để bà Nguyễn Thị Mỹ H đứng tên trên giấy mượn tiền, các bên có làm giấy mượn tiền ngày 04/01/2024, bà có ký và ghi rõ họ tên. Sau đó, bà H chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng cho bà. Bà H cho vay với lãi suất là 3%/tháng nhưng thực tế lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Bà thừa nhận vay của bà N số tiền 300.000.000 đồng nhưng bà H lại là người đứng tên trên giấy mượn tiền. Tổng số tiền bà vay là 300.000.000 đồng, lãi suất ghi là 3%/tháng nhưng thực tế bà N thu tiền lãi 10.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 04/01/2024 đến tháng 4/2024, bà đóng tiền lãi cho bà N được 40.000.000 đồng. Bà N nhận số tiền 40.000.000 tuy nhiên bà không có chứng cứ chứng minh để cung cấp cho Tòa án.

Sau đó, do không có khả năng đóng tiền lãi 10.000.000 đồng/tháng nên bà xin bà N chuyển sang đóng lãi ngày (300.000 đồng/ngày). Từ ngày 29/4/2024 đến ngày 27/11/2024, bà đã trả số tiền 63.400.000 đồng (lãi ngày), mỗi lần đóng tiền lãi cho bà N thì bà thường nhắn tin, gọi điện qua Zalo để bà N đến lấy tiền lãi. Từ ngày 28/11/2024, bà không có tiền đóng tiền lãi nên bà N đã đến nhà bà quậy, Công an thị trấn T có mời các bên lên làm việc.

Đối với số tiền lãi bà trả cho bà H (do bà N nhận tiền) từ ngày 25/02/2023 đến ngày 27/11/2024 thì bà không có yêu cầu gì.

Về yêu cầu khởi kiện của bà H, tại phiên toà, bà T đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và xin không phải trả tiền lãi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Ngày 25/02/2023, bà Nguyễn Thị Mỹ H có cho bà Ngô Thị T vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Bà có đưa số tiền 200.000.000 đồng cho bà Ngô Thị T vào ngày 25/02/2023 nhưng số tiền 200.000.000 đồng là của bà H nhờ bà đưa cho bà T. Bà T trả tiền lãi 6.000.000 đồng/tháng. Bà H có nhờ bà đi lấy tiền lãi của bà T và bà T đã trả được số tiền lãi 60.000.000 đồng cho bà từ ngày 25/02/2023 đến ngày 03/01/2024. Bà H cho bà số tiền lãi trên để bà sinh hoạt hàng ngày.

Đến 04/01/2024, bà T tiếp tục vay của bà H số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 04/01/2024 đến 04/7/2024), lãi suất vay là 3%/tháng. Bà H chuyển khoản 100.000.000 đồng cho bà T. Bà T phải trả tiền lãi là 3.000.000 đồng/tháng.

Tổng cộng, bà T vay bà H số tiền 300.000.000 đồng, tiền lãi là 3%/tháng và phải trả tiền lãi là 9.000.000 đồng/tháng. Bà T bắt đầu đóng lãi 9.000.000 đồng/tháng từ ngày 04/01/2024.

Bà T đóng tiền lãi cho bà H 9.000.000 đồng/tháng (nhưng đóng theo ngày, mỗi ngày là 300.000 đồng do bà T không có tiền đóng lãi theo tháng) từ ngày 04/01/2024 đến ngày 20/11/2024, tổng cộng bà T đóng tiền lãi cho bà H là 63.400.000 đồng. Bà H có nhờ bà đi lấy tiền lãi của bà T, bà có nhận của bà T số tiền lãi 63.400.000 đồng. Từ ngày 21/11/2024 đến nay, bà T không đóng tiền lãi cho bà H nữa. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Nai) tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Ngô Thị T.

Buộc bà Ngô Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ gốc là 300.000.000đ *(ba trăm triệu đồng)* và tiền lãi 19.920.000đ *(mười chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng)*. Tổng số tiền 319.920.000đ *(ba trăm mười chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Kháng cáo: Ngày 11/4/2025, bị đơn bà Ngô Thị T kháng cáo Bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là 19.920.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

- Về đường lối giải quyết: Bị đơn bà Ngô Thị T kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc bà phải thanh toán số tiền lãi 19.920.000 đồng và đề nghị cấn trừ số tiền lãi vào số tiền nợ gốc do lãi suất bà trả đã vượt quá mức lãi suất theo quy định. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, bà T không có yêu cầu phản tố đề nghị Toà án xem xét đối với phần tiền lãi vượt quá lãi suất 20%/năm (tương ứng 1,66%/tháng) nên Toà án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị T làm trong thời hạn, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, đương sự trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[2] Về nội dung và kháng cáo của đương sự:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, trình bày của các đương sự tại phiên tòa đều thống nhất xác định số tiền bị đơn vay còn nợ nguyên đơn là 300.000.000 đồng, đồng thời xác định giấy vay tiền do bà Nguyễn Thị Mỹ H đứng tên cho vay. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn bà T có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền còn nợ theo giấy vay tiền là có căn cứ.

Bà T kháng cáo không đồng ý với việc tính lãi suất vì cho rằng, mặc dù giấy vay tiền thể hiện lãi suất là 3%/tháng nhưng trên thực tế bà T phải trả số tiền lãi là 4%/tháng/tổng số tiền vay. Tổng cộng bà T đã trả cho bà N số tiền lãi là 183.400.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà T chỉ trình bày mà không cung cấp chứng cứ thể chứng minh tiền lãi đã trả cho bà H như trình bày.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà T đề nghị không buộc bà phải trả số tiền lãi 19.920.000 đồng và đề nghị cấn trừ số tiền lãi vượt quá quy định mà bà T đã trả cho nguyên đơn. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, bà T không có yêu cầu phản tố trong vụ án về việc xem xét cấn trừ nghĩa vụ thanh toán đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi vượt quá quy định như trình bày nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là đúng quy định.

Theo các giấy vay tiền ngày 25/02/2023, ngày 04/01/2024 có căn cứ xác định là hợp đồng vay xác định kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, mức lãi suất được tính 20%/năm tương ứng 1,666%/tháng, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,666%/tháng từ ngày 01/12/2024 đến 31/3/2025 là phù hợp, tiền lãi được tính là 19.920.000 đồng (300.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 4 tháng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết nội dung tranh chấp phù hợp với quy định pháp luật, bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 31/3/2025 của Toà án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 – Đồng Nai).

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; 184; Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn bà Ngô Thị T.

Buộc bà Ngô Thị T có nghĩa vụ thanh toán số tiền 319.920.000 đồng (*Ba trăm mười chín triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)* cho bà Nguyễn Thị Mỹ H, trong đó tiền vay là 300.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 19.920.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền 7.500.000 đồng *(bảy triệu năm trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013722, ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đồng Nai).

Bà Ngô Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.996.000 đồng *(mười lăm triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng)*.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0020877 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Đồng Nai). Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Tòa PT TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh
- TAND khu vực 8 – Đồng Nai (1);
- Phòng THADS khu vực 8 – Đồng Nai (1);
- Đương sự (3);
- Lưu HS, VP (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Kiều Vân

Đào Thị Kiều Vân

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**